

Dũng Vũ

Hai tiếng Việt kiều



Không biết hai tiếng "Việt kiều" đã ra đời bao giờ và ai là tác giả. Người ta chỉ biết nó đã được đề ra để chỉ người Việt sống ở hải ngoại. Lâu nay nó đã được dùng khắp xã hội như một cái tên gọi bình thường.

Thực ra, "Việt kiều" là một sản phẩm ngôn ngữ khác thường. Khác thường từ cú pháp (syntax) cho tới dụng ngôn (pragmatic), từ ngữ nghĩa (semantic) cho tới văn hóa.

Chữ "Việt" thì ai cũng biết, còn "kiều" có nghĩa là gì ?

Kiều là một từ gốc Hán. Theo *Từ điển Hán-Việt* của Thiều Chửu và *Hán-Việt từ điển* của Đào Duy Anh [ii], từ đồng âm này có nhiều nghĩa, ví dụ, cái cầu 橋, cái lông dài ở đuôi chim 翹, v.v... Nhưng dùng cho từ ghép "Việt kiều", thì "kiều" 僑 có nghĩa là ở đậu, ở nhờ một làng, một nước nào đó.

Như vậy, "Việt kiều" có nghĩa là người Việt ở đậu, ở nhờ.

Về mặt cú pháp, tác giả của từ ghép "Việt kiều" đã rập khuôn từ ghép "Hoa kiều" 華僑 của tiếng Hoa.

Người Hoa giải thích, "kiều" trong "Hoa kiều" được hiểu là "kiều bào"

僑胞. Đúng ra là "Trung Hoa kiều bào" hay "Trung Quốc kiều bào", nhưng

vì nói tắt, mới thành ra "Hoa kiều". Cú pháp của nó không giống như cú pháp của một từ ghép Hán bình thường.

Sự giải thích ấy có lý, bởi lẽ "kiều" không thể đứng một mình trong tư thế một vị từ (tức động từ, tính từ). Nó phải bổ nghĩa cho một từ khác, ví dụ, bổ nghĩa cho "bào" thành "kiều bào" 僑胞, bổ nghĩa cho "dân" thành "kiều

dân" 僑民, bổ nghĩa cho "cư" thành "kiều cư" 僑居, v.v... Đây là cách bổ nghĩa của tiếng Hán, "phụ trước, chính sau", ngược với nguyên tắc "chính trước, phụ sau" của tiếng Việt[iii].

Về mặt dụng ngôn, tác giả của từ "Việt kiều" cũng hiểu theo tinh thần ngữ nghĩa của từ "Hoa kiều", cho nên cũng khác thường.

Không cần kiến thức ngôn ngữ học, hẳn mỗi người đều biết một điều căn bản, ngữ nghĩa một từ của ngôn ngữ này có thể giống ngữ nghĩa một từ của ngôn ngữ kia, nhưng cách dụng ngôn có thể khác nhau tùy tình huống. Chữ "nóng" của tiếng Việt đồng nghĩa với "hot", "heiß" của tiếng Anh, tiếng Đức, nhưng không phải bao giờ cũng được sử dụng giống nhau. Gặp phụ nữ Tây phương mà dùng các tiếng ấy, e khó tránh khỏi phiền toái.

Nói theo khoa học, ngữ nghĩa không đơn thuần là ngữ nghĩa. Nó còn có sắc thái. Đặc điểm này trong ngôn ngữ học gọi là cực tính (polarity). Có cực tính tốt (positive polarity), có cực tính xấu (negative polarity), có cực tính trung hòa (neutral polarity), phải biết tùy tình huống, quan niệm văn hóa mà sử dụng.

Đối với người Hoa, chữ "kiều" không mang cực tính xấu cho dù hàm nghĩa "ở nhờ". Người Hoa là một giống dân di trú nổi tiếng xưa nay. Có lẽ do đã quen ở nhờ nước khác, họ không cảm thấy điều đó là tiêu cực, miễn ăn ở đàng hoàng. Người Hoa ở Chợ Lớn vẫn tự nhận mình là Hoa kiều.

Cực tính của chữ "kiều" đối với người Hoa là vậy nhưng đối với người Việt

thì khác. Trước 75 ở miền Nam, người Việt ít khi gọi người Hoa bằng Hoa kiều. Thỉnh thoảng mới nghe có người dùng cụm từ "bọn Hoa kiều" với tinh thần tiêu cực. Ngược lại, thỉnh thoảng giới báo chí lại dùng nó với tinh trung hòa.

Tuy vậy, người hiểu biết vẫn hiểu rằng từ "Hoa kiều" hàm chứa ý "ăn nhờ, ở đậu" chứ không phải "di trú". Nếu cần phân biệt tính cách cư trú, tiếng Việt có nhiều từ. Dân di trú được gọi là "di dân". Dân cư ngụ ở địa phương được gọi là "cư dân". Dân ở nhờ thì được gọi là "kiều dân". Ba chữ "di", "cư", "kiều" khác hẳn nhau về ý nghĩa.

Người Sài Gòn thường gọi người Hoa sinh sống trong Chợ Lớn là người Hoa Chợ Lớn, hoặc người Tàu Chợ Lớn; hoặc ngắn gọn nữa là người Hoa, người Tàu để tránh một ngữ nghĩa mang tính phân biệt có thể làm buồn lòng người khác. Trước 75, người miền Nam trong nước cũng không gọi người Việt sống ở nước ngoài là Việt kiều. Họ thường gọi là "kiều bào" hoặc "đồng bào hải ngoại". Tuy "kiều bào" vẫn hàm chứa nghĩa gốc là ở nhờ nơi khác, nhưng nghe vẫn nhẹ hơn "Việt kiều" nhờ chữ "bào", có nghĩa đen là cái bọc, nghĩa bóng là anh em, gần gũi với từ "đồng bào".

"Đồng bào hải ngoại" là từ hay nhất, dẫu hơi dài. Thế nhưng dài, ngắn không quan trọng, miễn hay. Cái hay thứ nhất là nó được người Việt nghĩ ra. Cái hay thứ hai là văn chương. Cái hay thứ ba là đúng cú pháp "chính trước, phụ sau" của tiếng Việt. Cái hay thứ tư và quan trọng nhất là nó không làm cho người nghe cảm thấy bị phân biệt, bị tổn thương. Đó là văn hóa.

"Hoa kiều" không phải là một từ thông dụng ở miền Nam trước 75. Sau 75, nó cũng không thông dụng hơn trong khi cái tên gọi "Việt kiều" thì tràn lan khắp xã hội từ Nam chí Bắc. Nhiều người dùng từ "Việt kiều" do quen miệng. Ít ai biết hoặc quan tâm đến nguồn gốc của nó. Rất nhiều người Việt

trong nước ngày nay mắc phải một quán tính là trên nói gì, dưới lặp y vậy, không cần suy ngẫm tốt, xấu, đúng, sai. Có biết bao sản phẩm ngôn ngữ vụng về, biến chất mà ngày nay từ giới có học cho tới giới bình dân lẫn giới truyền thông trong nước vẫn sử dụng và lạm dụng một cách tự nhiên, như "vi tính", "phần cứng", "phần mềm", "chí ít", "game thủ", "bèo", "di động", "điều hòa", "vô tư", "siêu rẻ", "siêu nạc", "thấp điểm", "Hợp chủng quốc", "thánh Allah", "người Thiên Chúa", v.v. và v.v. Thực trạng cho thấy trình độ Việt ngữ học của tác giả và người sử dụng thấp kém đến độ nào. Với trình độ ấy, chẳng lạ gì, mỗi khi có một từ ngữ mới xuất hiện trong nước là người hiểu biết không khỏi lấy làm lo lắng và hoài nghi về phẩm chất của nó. Nhưng, điều đó vẫn chưa đáng kể bằng cái sản phẩm được đẻ ra có thể làm tổn thương người khác. "Việt kiều" là hai tiếng mà đa số người Việt hải ngoại không ưa thích. Nó giống như mấy từ "ngụy", "tư sản mại bản", "văn hóa Mỹ-Ngụy",... mà người ta đã áp đặt lên dân mình trong quá khứ. Hai tiếng "Việt kiều" khiến người Việt hải ngoại có cảm tưởng như mình bị tách rời khỏi cộng đồng dân tộc. Nhiều người Việt đã về nước sinh sống vẫn bị gọi là "Việt kiều". Nhà nước Việt Nam cũng nhận thức được tâm lý này, cho nên có cơ quan ngôn luận đã chuyển sang dùng các từ ngữ như "kiều bào", "người Việt ở hải ngoại", "người Việt ở nước ngoài" thay cho "Việt kiều". Tuy vậy, hai tiếng "Việt kiều" vẫn được dùng phổ biến, và vẫn tiếp tục là từ ngữ gây tự ái, chia rẽ.

Giới văn hóa thông tin ở Việt Nam có tiếng xưa nay là tác giả của những từ ngữ khác thường. Không ai biết "Việt kiều" có phải là sản phẩm của họ không, nhưng biết chắc họ hay dùng. Là người làm văn hóa, họ luôn nhắc nhở người dân giữ gìn "bản sắc dân tộc" trong khi chính họ lại quên mất một điều ông bà thường dạy: "Lời nói không mất tiền mua. Chọn lời mà nói cho vừa lòng nhau".

Stuttgart, Giáng Sinh 2006

© 2007 talawas

Thiền Chửu - Nguyễn Hữu Kha (1902 - 1954): Từ điển Hán-Việt Thiền Chửu. Thực hiện: Đặng Thế Kiệt, Lê Văn Đặng, Nguyễn Hữu Vinh, Nguyễn Doãn Vượng. Viện Việt học http://www.viethoc.org/hannom/tdtc_intro.php

[ii] Đào Duy Anh (1957), *Hán-Việt từ điển*. Trường Thi: Sài Gòn

[iii] Xem *Sự tích bốn chữ “CHÍNH TRƯỚC PHỤ SAU”* trong *Việt ngữ học*, Cao Xuân Hạo. talawas:

<http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=4115&rb=06>

Chính trước phụ sau, Dũng Vũ. talawas:

<http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=3811&rb=06>

Nguồn: Talawas - Ctly sưu tầm

Được bạn: NHDT đưa lên

vào ngày: 28 tháng 1 năm 2007